TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 26/2020/DSST
Ngày: 22-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc H1 .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nh .

2. Bà Nguyễn Thị H2.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Duy M – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Ngọc Th, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp Kinh Nh , xã Phú Th1, huyện Tân Phú Đ , tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1971;

Cư trú tại: ấp Kinh Nh , xã Phú Th , huyện A, tỉnh B.

(Bà Th , bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có chơi 04 phần hụi trong 03 dây hụi do bà Tạ Thị Ngọc Th làm chủ hụi cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất, hụi 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*, hụi tháng, hụi áp ngày 05 tháng 9 năm 2014, có tổng cộng 21 phần, chị H hốt ở tháng thứ 2, được số tiền là 35.000.000đ *(ba mươi lăm triệu đồng)*, chị H còn nợ lại số tiền là 38.000.000đ *(Ba mươi tám triệu đồng)*.

+ Dây thứ hai, hụi 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*, hụi tuần, có 32 phần , áp ngày 06 tháng 6 năm 2015, bà H hốt lần thứ 5, bà H còn nợ lại số tiền hụi chết là 14.000.000đ *(Mười bốn triệu đồng)*.

+ Dây thứ ba, hụi 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, hụi tuần, có 49 phần, hụi áp ngày 26 tháng 3 năm 2015, bà H tham gia 02 phần, bà H đã hốt hụi phần đầu tiên dây là 13.500.00đ *(Mười ba triệu năm trăm nghìn)* và phần thứ hai là 13.800.000đ *(Mười ba triệu tám trăm nghìn)* và bà H còn nợ lại số tiền là 27.300.000đ *(Hai mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Tổng số tiền bà H còn nợ bà Th là 79.300.000đ *(Bảy mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng)*. Khi hốt hụi ở dây thứ hai thì bà Hồng có đóng hụi cho bà Th . Hiện tại bà H còn nợ bà Th số tiền là 69.300.000đ *(Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Nay bà Tạ Thị Ngọc Th yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi là 69.300.000đ *(Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng)* trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H có tham gia 04 phần hụi trong 03 dây hụi như bà Th trình bày. Bà có hốt 04 phần hụi trong 03 dây hụi đó nhưng không nhớ rõ thời gian. Bà có thực hiện nghĩa vụ đóng hụi cho bà Th . Hiện tại bà chỉ còn nợ bà Th số tiền hụi là 17.000.000đ *(Mười bảy triệu đồng)*. Biên nhận nợ hụi của bà Th cung cấp không phải là chữ ký của bà. Khi bà đóng hụi bà cũng không yêu cầu bà Th ghi cho bà biên nhận đóng hụi, vì vậy, bà cũng không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án về việc bà đã đóng hụi chết cho bà Th . Nay với yêu cầu khởi kiện của bà Th thì bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ hụi là 17.000.000đ *(Mười bảy triệu đồng)*.

Ý kiến Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Ngọc Th . Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà Tạ Thị Ngọc Th số tiền là 69.300.000đ *(Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Ngọc Th yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi là 69.300.000đ *(Sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).* Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 23 tháng 12 năm 2019 và biên bản đối chất ngày 27 tháng 4 năm 2020 thì bà Nguyễn Thị H có thừa nhận có tham gia ba dây hụi do bà Th tổ chức gồm: Dây thứ nhất, hụi 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*, hụi tháng, hụi áp ngày 05 tháng 9 năm 2014, có tổng cộng 21 phần, chị H hốt ở tháng thứ 2, được số tiền là 35.000.000đ *(ba mươi lăm triệu đồng)*, chị H còn nợ lại số tiền là 38.000.000đ *(Ba mươi tám triệu đồng)*; Dây thứ hai, hụi 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)*, hụi tuần, có 32 phần , áp ngày 06 tháng 6 năm 2015, bà H hốt lần thứ 5, bà H còn nợ lại số tiền hụi chết là 14.000.000đ *(Mười bốn triệu đồng)*; Dây thứ ba, hụi 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, hụi tuần, có 49 phần, hụi áp ngày 26 tháng 3 năm 2015, bà H tham gia 02 phần, bà H đã hốt hụi với phần thứ nhất với số tiền là 13.500.000đ *(mười ba triệu năm trăm nghìn đồng)*, dây thứ hai là với số tiền là 13.800.000đ *(Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng)* và bà H còn nợ lại số tiền là 27.000.000đ *(Hai mươi bảy triệu đồng)*. Sau khi cấn trừ số tiền bà H đã đóng hụi cho bà Thúy thì bà H còn nợ lại số tiền hụi chết là 69.300.000đ (*sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).*

Bà H thừa nhận có chơi hụi và hốt hụi như bà Th trình bày và đã đóng hụi cho bà Th , hiện tại chỉ còn thiếu số tiền 17.000.000đ *(Mười bảy triệu đồng)*. Tuy nhiên, bà H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc đóng hụi cho mình nên Hội đồng xét xử xác định số tiền bà H còn nợ bà Th là 69.300.000đ (*sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng)* là có thật.

[3] Đối với lời trình bày của bà H cho rằng đã đóng hụi cho bà Th tuy nhiên bà H không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bà H nên lời khai này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Ngọc Th .

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng trả cho bà Tạ Thị Ngọc Th số tiền 69.300.000đ (*sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bà Tạ Thị Ngọc Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc bà Nguyễn Thị H được miễn án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hoàn lại cho bà Tạ Thị Ngọc Th số tiền 939.750đ *(Chín trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm năm chục đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 49253 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc H